

Bản án số: 226/2022/HS-PT

Ngày: 27-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mỹ.

Các Thẩm phán: Ông Lê Khắc Thịnh.

Ông Phạm Minh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Lưu Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 137/2022/TLPT-HS ngày 04 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Trần Tấn T cùng đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo Trần Tấn T, Đỗ Hoài P, Dương Hồ K và Nguyễn Thị Tuyết N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2022/HS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Tấn T, sinh năm 1995, tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: 139, Khóm 3, thị trấn Lai V, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Hữu Tr và bà Cao Thị Ánh H; Tiền án, Tiền sự: Không; Tạm giữ: Từ ngày 29/12/2020 đến ngày 07/01/2021; Tạm giam: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

2. Đỗ Hoài P, sinh ngày 04/11/1997, tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: 123A/2, ấp Long A, xã Long Th, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Thanh H1 và bà Lữ Thanh T1; Tiền án, Tiền sự: Không; Tạm giữ: Từ ngày 29/12/2020 đến ngày 07/01/2021; Tạm

giám: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

3. Dương Hồ K, sinh năm 1998, tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: 128, Khóm 4, thị trấn Lai V, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn U và bà Hồ Thị Kh; Tiền án, Tiền sự: Không; Tạm giữ: Từ ngày 29/12/2020 đến ngày 07/01/2021; Tạm giam: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

4. Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 2000, tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: 507, Khóm 4, thị trấn Lai V, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị L; Tiền án, Tiền sự: Không; Tạm giữ: Từ ngày 29/12/2020 đến ngày 07/01/2021; Tạm giam: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N: Luật sư Nguyễn Văn P1 – Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn P1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. Địa chỉ: Số 478A/25, Quận Cơ T, phường Bình K1, thành phố Long X, tỉnh An Giang (Có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Lê Phước T2, Lê Văn H2, Đoàn Văn P2, Lê Thanh V1, Nguyễn Thành T3; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo; Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 00 giờ 40 phút ngày 28/12/2020, tại các phòng số 08, 10 và 12 của quán Karaoke Thảo Vy, thuộc ấp Long K1, xã Long C, huyện Lai V, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lai V bắt quả tang Lê Phước T2, Lê Văn H2, Đoàn Văn P2, Trần Tấn T, Trần Đức T4, Dương Hồ K, Đỗ Hoài P, Nguyễn Thị Tuyết N, Lê Thanh V1 và Nguyễn Thành T3 có hành vi mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy. Cơ quan điều tra tạm giữ các vật chứng và tài sản gồm:

- Tại phòng số 08:

+ 01 cái đĩa bằng sành, màu trắng, bên trên đĩa có nhiều hạt tinh thể rắn màu trắng, đĩa được để trên bàn trong giữa phòng - được niêm phong ký hiệu A1.

+ 01 bịch nylon nắp kẹp chứa tinh thể rắn màu trắng và 01 viên nén màu xanh thu ở gần vách tường trong phòng - được niêm phong ký hiệu A2.

+ 01 bịch nylon nắp kẹp chứa 01 viên nén màu xanh thu ở trên nền gạch trong phòng - được niêm phong ký hiệu A3.

+ 01 đoạn ống hút được làm từ điều thuốc lá; 01 tấm thẻ bằng nhựa, có chữ Plus Card.

- Tại phòng số 10:

+ 01 vỏ gói thuốc lá hiệu Craven, bên trong có 01 bịch nylon có nắp kẹp, chứa hộp chất màu xanh ở trên tường, gần cửa ra vào phòng hát - được niêm phong ký hiệu C1.

+ 02 viên nén màu xanh thu giữ trên nền gạch gần cửa ra vào phòng hát - được niêm phong ký hiệu C2.

- Tại phòng số 12:

+ 01 bịch nylon có nắp kẹp, chứa chất rắn màu xanh để trên bàn trong phòng hát - được niêm phong ký hiệu B1.

+ 01 viên nén màu xanh thu giữ trên vách tường, gần cửa ra vào phòng hát - được niêm phong ký hiệu B2.

+ 01 đoạn ống hút được làm từ điều thuốc lá và 03 bịch nylon nắp kẹp (không có đựng chất gì).

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn tạm giữ tài sản của các đối tượng gồm:

- 02 chai dầu gió nắp bằng nhựa màu cam, nước dầu màu vàng; 01 cái mền có kích thước 1,7 mét x 2,2 mét, màu đỏ, có hình trái tim màu trắng; 01 sim điện thoại số 0767160204 của Trần Tấn T.

- Số tiền 15.500.000 đồng của Trần Tấn T, trong đó: 5.500.000 đồng của các bị cáo T, K, T4 và P hùn để mua trái phép chất ma túy; 10.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân.

- Số tiền 660.000 đồng của Lê Thanh V1 và 3.500.000 đồng của Nguyễn Thành T3 để tiêu dùng cá nhân.

- 10 điện thoại di động (ĐTDD) các loại, bao gồm:

+ 01 ĐTDD màu đen, hiệu Iphone của Lê Văn H2; 01 ĐTDD hiệu Samsung, màu trắng của Trần Tấn T; 01 ĐTDD hiệu Xiaomi, màn hình cảm ứng, màu đen của Đoàn Văn P2; 01 ĐTDD hiệu Iphone, màu vàng, mặt trước và mặt sau bị bể của Trần Đức T4; 01 ĐTDD hiệu Samsung, màn hình cảm ứng, màu bạc của Đỗ Hoài P; 01 ĐTDD hiệu Iphone, màu vàng của Nguyễn Thành T3 và 01 ĐTDD hiệu Nokia, loại nút bấm, màu xanh của Lê Thanh V1. Tất cả các điện thoại nêu trên dùng vào việc phạm tội mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy.

+ 01 ĐTDĐ hiệu Nokia, màu đen, loại bàn phím của Dương Hồ K; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone, màu trắng-đen của Nguyễn Thị Tuyết N và 01 ĐTDĐ hiệu Samsung, màu đen của Lê Thanh V1. 03 điện thoại nêu trên không dùng vào việc phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

- 04 xe mô tô các loại, bao gồm:

+ Xe mô tô hiệu Honda, loại SH mode, màu trắng, biển số 66L1-370.43 của Trần Tấn T.

+ Xe mô tô hiệu Honda SH Mode màu đỏ-đen, biển số 66S1-415.49 của Đoàn Văn P2 (xe này P2 mượn xe này của chị Lương Ngọc D, D thuê xe của ông Nguyễn Thanh C1; chị D và ông C1 không biết P2 sử dụng xe mô tô vào việc bán trái phép chất ma túy.

+ Xe mô tô Honda, loại Future, biển số 66V1-016.41 của Dương Hồ K, K mượn xe này của ông Dương Văn U (cha của K), ông U không biết việc K sử dụng xe mô tô để đi hùn tiền mua ma túy, tàng trữ sử dụng.

+ Xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, màu đen-xám, biển số 66L1-594.47 của Nguyễn Thị Tuyết N, N mượn xe này của chị Đỗ Huỳnh Mỹ N1 (bạn của N), chị N1 không biết việc N sử dụng xe mô tô để đi hùn tiền mua ma túy, tàng trữ sử dụng.

04 xe mô tô nêu trên do không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

Quá trình điều tra đã xác định được như sau:

- **Tại phòng 08:** Vào khoảng 22 giờ ngày 27/12/2020, sau khi Trần Tấn T, Đỗ Hoài P, Trần Đức T4 và Dương Hồ K uống bia tại quán Xiên Que, thuộc Khóm 2, thị trấn Lai V xong thì cả nhóm bàn bạc mỗi người hùn 1.375.000 đồng, tổng cộng là 5.500.000 đồng để mua ma túy đem đến quán Karaoke Thảo Vy sử dụng. T nhắn tin cho Lê Văn H2 ở thành phố Sa Đ hời mua ma túy tổng cộng 5.500.000 đồng (gồm 4.000.000 đồng ma túy loại “Khây”, 1.500.000 đồng loại “Kẹo lắc”) và hẹn giao ma túy tại quán Thảo Vy.

Khoảng 23 giờ cùng ngày, T, P và K đến quán Thảo Vy gặp Lê Phước T2 (là nhân viên quản lý, phục vụ) để thuê phòng “bay” vừa nghe nhạc và vừa sử dụng ma túy. T2 biết rõ nhóm của T là khách quen, nhiều lần đến quán thuê phòng để hát karaoke và sử dụng ma túy nên T2 bố trí cho nhóm của T phòng số 08 và đem vào phòng các dụng cụ để nhóm của T sử dụng ma túy gồm: Đĩa sành, thẻ card bằng nhựa, hột quạt, dầu gió dùng để đựng, cà nhuễn ma túy, hơ nóng đĩa sành và thoa lên người khi khách sử dụng ma túy bị choáng, chóng mặt.

Riêng Trần Đức T4 thì đi rước Nguyễn Thị Tuyết N đến quán Thảo Vy để

cùng chơi chung.

Lê Văn H2 khai: H2 kêu Đoàn Tấn P2 chở H2 đi mua ma túy của một người thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 5.300.000 đồng, mua ma túy xong P2 điều khiển xe mô tô biển số 66S1-415.49 chở H2 từ thành phố Sa Đ đến quán Thảo Vy giao ma túy cho nhóm của T. Trước đó H2 và P2 còn nhiều lần đi mua ma túy về bán lại cho T, P2 được H2 bao cho ăn uống và được T cho sử dụng ma túy không tốn tiền khi mang ma túy đến quán Thảo Vy. Tại quán Thảo Vy, N đưa cho T4 mượn 3.000.000 đồng (theo yêu cầu của T4), trong đó tiền hùn mua ma túy của T4 và K là 1.375.000 đồng/người (T4 cho K mượn 1.375.000 đồng), còn lại 300.000 đồng thì T4 đưa cho T hùn trả tiền thuê phòng hát karaoke; H2 đưa cho T 01 bịch nylon chứa ma túy loại “Khây” và 01 bịch nylon chứa 05 viên ma túy màu xanh loại “Kẹo lắc”. T4, K và N chia nhau sử dụng hết 02 viên ma túy, T và P mỗi người uống 01 viên ma túy, còn lại 01 viên ma túy thì T để dưới nền gạch ở trong phòng. T kêu H2 chế biến ma túy loại “Khây” dùng cho cả nhóm cùng sử dụng. H2 lấy một phần ma túy loại “Khây” để ra lên tờ tiền giấy mệnh giá 2.000 đồng, dùng hột quạt hơi nóng phía dưới rồi để lên đĩa sành, H2 tiếp tục dùng hột quạt hơi nóng dưới đáy đĩa, dùng thẻ card chà nhuộm ma túy. T4 lấy thẻ card chà ma túy thành từng dòng nhỏ, K lấy tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng và điều thuốc lá quấn thành ống để hút ma túy, P2 đưa đĩa sành đựng ma túy lần lượt cho T, P, K, T4, N và H2 cùng sử dụng. Đến khoảng 00 giờ 40 phút ngày 28/12/2020 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lai V bắt quả tang thu giữ chất ma túy còn lại chưa sử dụng hết, có tổng khối lượng 2,394 gam, bao gồm 1,664 gam loại Ketamine và 0,73 gam loại MDMA (theo Kết luận giám định số 1208/KL-KTHS ngày 30/12/2020 của của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp).

- **Tại phòng 10:** Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 27/12/2020, Lê Thanh V1 và Nguyễn Thành T3 đến thuê phòng hát karaoke số 10 của quán Thảo Vy và bàn bạc cùng hùn tiền mua ma túy để sử dụng. V1 và T3 gọi thêm Nguyễn Thị Mỹ H3 là nhân viên của quán vào phòng phục vụ bấm bài hát, mang thức ăn và nước uống. Trong lúc hát karaoke, Việt đi bộ đến khu vực gần cầu Thông Giông thuộc xã Long C, huyện Lai V để mua 02 viên ma túy loại “Kẹo lắc” với giá 600.000 đồng của một người lạ mặt (không rõ họ tên, địa chỉ). Sau đó, V1 lấy 01 viên ma túy rồi bẻ thành 03 phần nhỏ, V1 và T3 mỗi người uống hết 01 phần nhỏ, còn lại 01 viên lớn và 01 phần nhỏ thì V1 cất vào túi quần. Cơ quan Cảnh sát điều tra bắt quả tang, kiểm tra phòng, thu giữ số ma túy trong túi quần của V1, có khối lượng 0,831 gam, loại MDMA (theo Kết luận giám định số 1216/KL-KTHS ngày 31/12/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp).

Ngoài chất ma túy nói trên, Cơ quan điều tra còn phát hiện và thu giữ trên tường ở gần cửa ra vào phòng hát số 10 một vỏ gói thuốc lá hiệu Craven, bên trong có 01 bịch nylon có nắp kẹp, chứa chất rắn màu xanh là chất ma túy, có khối lượng 0,569 gam, loại Ketamine (theo Kết luận giám định số 1216/KL-KTHS ngày 31/12/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp). T3, V1 và H3 không thừa nhận là ma túy do mình mua mang tới, Cơ quan điều tra thì không xác định được là của ai, nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, khi xác định được sẽ xem xét xử lý sau.

- **Tại phòng 12:** Phạm Thị Quế A1 và Nguyễn Ngọc Z khai: Vào khoảng 23 giờ ngày 28/12/2020, có 02 người nam lạ mặt (không rõ họ tên và địa chỉ) đến thuê phòng hát karaoke và yêu cầu 02 nhân viên nữ phục vụ bầm bài hát, mang thức ăn và nước uống. Lê Phú Q là nhân viên quản lý của quán, dẫn 02 người thanh niên này vào phòng hát số 12, rồi kêu Quế A1 và Ngọc Z vào phòng phục vụ khách. Trong lúc hát karaoke thì 02 người khách này có đem chất ma túy ra kêu Quế A1 và Ngọc Z cùng sử dụng, đến khi bị Công an bắt quả tang thì 02 người khách này đã chạy thoát. Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra, phát hiện và thu giữ: 01 bịch nylon có nắp kẹp, chứa chất rắn màu xanh là chất ma túy, có khối lượng 0,398 gam, loại Ketamine ở trên bàn trong phòng hát; 01 viên nén màu xanh là chất ma túy, có khối lượng 0,164 gam, loại MDMA (theo Kết luận giám định số 1217/KL-KTHS ngày 31/12/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp) và 01 đoạn ống hút được làm từ điều thuốc lá và 03 bịch nylon nắp kẹp (không chứa chất gì). Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chưa xác định được danh tính, địa chỉ của 02 đối tượng là khách đến thuê phòng hát số 12 để điều tra, làm rõ nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, khi xác định được sẽ xem xét xử lý sau.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định được:

- Ngoài lần bắt quả tang, tại quán karaoke Thảo Vy, Lê Văn H2 và Đoàn Văn P2 khai: H2 và P2 còn bán ma túy (không nhớ rõ loại ma túy và khối lượng cụ thể) cho nhóm của Trần Tấn T, Đỗ Hoài P, Trần Đức T4, Dương Hồ K và Nguyễn Thị Tuyết N khoảng 03 lần khác (vào khoảng các ngày 01/12/2020, ngày 16/12/2020 và 22/12/2020), mỗi lần 2.000.000 đồng, tổng cộng là 6.000.000 đồng. Trong các lần này, Lê Phước T2 khai đều biết và cung cấp các dụng cụ như đã nêu trên cho nhóm của T sử dụng. Lời khai của T2 phù hợp với lời khai của H2, P2 và phù hợp với lời khai của những người trong nhóm của T. Ngoài ra, ngày 26/12/2020, Đoàn Văn P2 bán 01 bịch ma túy (không nhớ rõ loại ma túy và khối lượng cụ thể) cho Trần Tấn T với số tiền 2.500.000 đồng tại quán lẩu gà, ở thị trấn Lai V, huyện Lai V (không rõ địa chỉ cụ thể), P2 đã tiêu xài hết 2.500.000 đồng, phù hợp với lời khai của Trần Tấn T.

- Bị cáo Lê Phước T2 còn trình bày thêm: Bà Dương Thị Bé S1 thuê T, Lê

Phú Q và Lê Minh Đ1 cùng làm nhân viên quản lý, phục vụ việc tiếp nhận, bố trí khách vào phòng hát và cung cấp thức ăn, nước uống cho khách. Tại quán Thảo Vy có tất cả 12 phòng hát, trong đó các phòng 10, 11, 12 được thiết kế đặc biệt với diện tích, công suất âm thanh lớn hơn và hệ thống đèn led chiếu sáng nhiều hơn phòng hát thường để dành riêng cho khách có nhu cầu vừa hát karaoke, vừa sử dụng ma túy (thường gọi là phòng bay), theo đó giá thuê phòng bay là 250.000đ/giờ, còn phòng thường là 180.000đ/giờ. Khi khách đến thuê phòng hát và có nhu cầu sử dụng ma túy thì T1, Q và Đ1 sẽ thay nhau bố trí khách vào các phòng bay và cung cấp các dụng cụ như đã nêu trên cho khách sử dụng. Bà S1 biết và cho phép việc khách đến thuê phòng hát và sử dụng ma túy tại quán, còn chuẩn bị sẵn các dụng cụ nói trên để ở quầy tiếp tân, kho hàng để T2, Q và Đ1 lấy phục vụ cho khách khi có yêu cầu.

Bà Dương Thị Bé S1 trình bày: Bà S1 thuê và giao cho T2, Q và Đ1 làm nhân viên trực tiếp quản lý, phục vụ khách nên không thường xuyên có mặt để quản lý quán karaoke Thảo Vy. Vào ngày bắt quả tang 28/12/2020, Lê Minh Đ1 chở bà S1 đi xem công trình xây dựng quán café ở gần Cầu Thông Giông, xã Long C, huyện Lai V nên không có mặt và trực tiếp quản lý quán Thảo Vy. Bà S1 không biết việc khách đến thuê phòng hát karaoke có sử dụng trái phép chất ma túy, trong trường hợp nếu khách đến thuê phòng hát karaoke và có yêu cầu cho phép sử dụng ma túy thì bà S1 cũng không đồng ý và cũng không kêu T2, Q và Đ1 phục vụ, cung cấp các dụng cụ để khách sử dụng trái phép chất ma túy tại quán. Đối với các dụng cụ như đĩa sò bằng sành, hột quẹt, dầu gió, mền là của bà S1 mua để đựng thức ăn, phục vụ khách hút thuốc lá ..., riêng mền là đồ của các nhân viên nữ trong quán để đắp và thẻ card thì bà S1 không biết của ai. Các phòng 10, 11, 12 có diện tích, công suất âm thanh lớn hơn và hệ thống đèn led chiếu sáng nhiều hơn phòng hát khác là do các phòng này được xây dựng sau nên thiết kế và thiết bị hiện đại hơn, chứ không phải thiết kế đặc biệt để cho khách vừa hát karaoke, vừa sử dụng ma túy.

Lê Phú Q và Lê Minh Đ1 cùng trình bày: Q và Đ1 được bà S1 thuê cùng làm công việc quản lý, tiếp nhận, bố trí khách vào phòng hát karaoke và cung cấp, phục vụ thức ăn, nước uống cho khách. Q và Đ1 không nghe việc bà S1 kêu khi khách đến hát karaoke có nhu cầu sử dụng ma túy thì bố trí khách vào các phòng 10, 11, 12 và cung cấp các dụng cụ như đĩa sành, hột quẹt, dầu gió, thẻ card cho khách sử dụng ma túy. Q và Đ1 không biết việc khách đến thuê phòng hát karaoke có sử dụng trái phép chất ma túy. Vào khoảng 20 giờ ngày 27/12/2020 đến khoảng 00 giờ ngày 28/12/2020, Q không có mặt tại quán Thảo Vy, còn Đ1 chở bà S1 đi xem công trình xây dựng quán café ở gần Cầu Thông Giông vừa về đến quán Thảo Vy thì bị Công an bắt quả tang, Đ1 không có cung cấp đĩa sành, hột quẹt, dầu gió, thẻ card và mền cho khách sử dụng trái phép chất ma túy tại các phòng 08, 10, 12.

Dương Thị Kim H4, Nguyễn Thị Mỹ H3, Nguyễn Ngọc Z, Phạm Thị Quế A1, Trần Thị Thanh Tr1, Nguyễn Thị Thúy A, Đặng Anh T5 và Lê Thị Thủy T6 cùng trình bày: Bà H4 là nhân viên phục vụ, dọn dẹp vệ sinh tại quán Thảo Vy, bà H4 không lần nào nhìn thấy khách đến thuê phòng hát karaoke có sử dụng trái phép chất ma túy. Còn Mỹ H3, Ngọc Z, Quế A1, Thanh Tr1, Thúy A1, Anh T5 và Thủy 6 cùng là nhân viên đã nhiều lần phục vụ khách bấm bài hát, thức ăn, nước uống và có lần sử dụng trái phép chất ma túy với khách, do khách tự đem đến. T2 biết khách đến hát karaoke có sử dụng trái phép chất ma túy và cung cấp các dụng cụ như đĩa sành, hột quẹt, thẻ card, dầu gió ... để khách sử dụng ma túy. Riêng bà S1, Q và Đ1 có biết khách đến hát karaoke và sử dụng ma túy hay không thì không rõ.

- Tại Kết luận giám định số 1208/KL-KTHS ngày 30/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp:

+ Tinh thể rắn chứa trong một bìch nylon màu trắng dạng nắp kẹp một đầu kẹp kín, được niêm phong trong bì thư ký hiệu A1 nêu trên gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 0,528 gam, loại Ketamine.

+ Tinh thể rắn chứa trong một bìch nylon màu trắng dạng nắp kẹp một đầu kẹp kín, được niêm phong trong bì thư ký hiệu A2 nêu trên gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 0,136 gam, loại Ketamine.

+ Một viên nén màu xanh được niêm phong trong cùng bì thư ký hiệu A2 nêu trên gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 0,364 gam, loại MDMA.

+ Một viên nén màu xanh chứa trong một bìch nylon màu trắng dạng nắp kẹp một đầu kẹp kín, được niêm phong trong bì thư ký hiệu A3 nêu trên là chất ma túy, có khối lượng 0,366 gam, loại MDMA.

- Tại Kết luận giám định số 1216/KL-KTHS ngày 31/12/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp:

+ Tinh thể rắn chứa trong một bìch nylon màu trắng dạng nắp kẹp một đầu kẹp kín, được niêm phong trong bì thư ký hiệu B1 nêu trên là chất ma túy, có khối lượng 0,393 gam, loại Ketamine.

+ Một viên nén màu xanh được niêm phong trong bì thư ký hiệu B2 nêu trên là chất ma túy, có khối lượng 0,164 gam, loại MDMA.

- Tại Kết luận giám định số 1217/KL-KTHS ngày 31/12/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp:

+ Chất bột (hộp chất) màu xanh chứa trong một bìch nylon màu trắng dạng nắp kẹp một đầu kẹp kín, được niêm phong trong bì thư ký hiệu C1 nêu trên gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 0,569 gam, loại Ketamine.

+ Hai viên nén màu xanh, được niêm phong trong bì thư ký hiệu C2 nêu trên gửi giám định đều là chất ma túy, có tổng khối lượng 0,831 gam, loại MDMA.

Tại Bản án sơ thẩm số 08/2022/HS-ST ngày 25-02-2022 của Tòa án nhân dân huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Trần Tấn T, Đỗ Hoài P, Dương Hồ K cùng phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt bị cáo Trần Tấn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 29/12/2020 đến ngày 07/01/2021.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Hoài P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 29/12/2020 đến ngày 07/01/2021.

- Xử phạt bị cáo Dương Hồ K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 29/12/2020 đến ngày 07/01/2021.

Căn cứ khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Phạt bổ sung đối với các bị cáo Đỗ Hoài P và Dương Hồ K mỗi bị cáo số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 29/12/2020 đến ngày 07/01/2021.

Bản án sơ thẩm còn tuyên bị cáo Lê Phước T2 phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, xử phạt bị cáo Lê Phước T2 08 (tám) năm tù, phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Phước T2 số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn P2, Lê Văn H2 cùng phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, xử phạt bị cáo Đoàn Văn P2 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, xử phạt bị cáo Lê Văn H2 08 (tám) năm tù, phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Văn H2 số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Tuyên bố các bị cáo Lê Thanh V1 và Nguyễn Thành T3 cùng phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”,

xử phạt bị cáo Lê Thanh V1 và bị cáo Nguyễn Thành T3, mỗi bị cáo 01 (một) năm tù, phạt bổ sung đối với các bị cáo Lê Thanh V1 và Nguyễn Thành T3 mỗi bị cáo số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ, án phí và nêu quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, bị cáo Trần Tấn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 07 tháng 3 năm 2022, bị cáo Đỗ Hoài P, bị cáo Dương Hồ K có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Trần Tấn T, Đỗ Hoài P, Dương Hồ K và Nguyễn Thị Tuyết N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Các bị cáo khẳng định Bản án sơ thẩm kết án các bị cáo tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội, không oan sai. Tuy nhiên, các bị cáo cho rằng mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là quá nặng so với hành vi của các bị cáo và các bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm nhận định hành vi của các bị cáo Trần Tấn T, Đỗ Hoài P, Dương Hồ K và Nguyễn Thị Tuyết N bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Tấn T, bị cáo Đỗ Hoài P, bị cáo Dương Hồ K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N kháng cáo xin được hưởng án treo. Bị cáo Đỗ Hoài P, bị cáo Dương Hồ K không cung không cung cấp tình tiết gì mới ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét. Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo Trần Tấn T cung cấp đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, nuôi con nhỏ, cha mẹ già tuy nhiên ngoài bị cáo thì còn các anh chị của bị cáo nuôi cha mẹ bị cáo. Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N cung cấp giấy chứng sinh. Tuy nhiên, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo Trần Tấn T là đã phù hợp, mức án đối với bị cáo N là đầu khung hình phạt. Vì vậy, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên phần hình phạt đối với các bị cáo Trần Tấn T, Đỗ Hoài P, Dương Hồ K và Nguyễn Thị Tuyết N.

Luật sư Nguyễn Văn P1 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường

hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng Nghị quyết 02 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao cho bị cáo N được hưởng án treo.

Trong phần tranh luận, các bị cáo Trần Tấn T, Đỗ Hoài P, Dương Hồ K và Nguyễn Thị Tuyết N không tranh luận. Tại lời nói sau cùng, bị cáo Trần Tấn T, Đỗ Hoài P, Dương Hồ K xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Các bị cáo Trần Tấn T, Đỗ Hoài P, Dương Hồ K và Nguyễn Thị Tuyết N là các đối tượng nghiện ma túy. Vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 27/12/2021, T, P, K, T4 cùng nhau hùn 5.500.000 đồng để T liên lạc mua ma túy của Lê Văn H2 ở thành phố Sa Đầm đến quán Thảo Vy ở ấp Long K1, xã Long C, huyện Lai V cùng nhau sử dụng. Nguyễn Thị Tuyết N là bạn gái của T4 giúp sức cho mượn 3.000.000 đồng để T4 và K hùn tiền mua ma túy. Lê Văn H2 và Đoàn Tấn P2 mua ma túy của một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) rồi đi bán lại cho nhóm của T (P2 được H2 bao cho ăn, uống và được T cho sử dụng ma túy không phải trả tiền khi đem ma túy đến giao ở quán Thảo Vy). Lê Phước T2 là người được bà Dương Thị Bé S1 (chủ quán) giao quản lý quán Karaoke Thảo Vy, đã sử dụng địa điểm do mình quản lý để chứa chấp, bố trí phòng hát số 08 và cung cấp đĩa sành, hột quẹt, thẻ card, dầu gió ... cho T, P, T4, K và N cùng sử dụng trái phép chất túy thì bị Cơ quan điều tra bắt quả tang, thu giữ chất ma túy còn lại chưa sử dụng, có tổng khối lượng 2,394 gam (gồm 1,664 gam loại Ketamine và 0,73 gam loại MDMA).

Ngoài ra, vào các ngày 01/12/2020, 16/12/2020, 22/12/2020, các bị cáo Lê Văn H2 và Đoàn Tấn P2 còn 03 lần bán ma túy với số tiền 6.000.000 đồng tại quán Thảo Vy để bị cáo Tấn tiếp tục chứa chấp cho nhóm T, P, T4, K, N sử dụng. Ngày 26/12/2020, bị cáo P2 còn 01 lần bán ma túy với số tiền 2.500.000 đồng cho T sử dụng trái phép.

Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2022/HS-ST ngày 25-02-2022 của Tòa án nhân dân huyện Lai V xét xử các bị cáo Trần Tấn T, Đỗ Hoài P, Dương Hồ K và Nguyễn Thị Tuyết N phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan, sai.

[2] Xét thấy khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm có xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như các bị cáo đều thành khẩn khai báo, bị cáo Trần

Tấn T đã tự nguyện nộp 10.000.000 đồng, bị cáo Dương Hồ K nộp 10.000.000 đồng, bị cáo Đỗ Hoài P có người ông tên Đỗ Thành R là Liệt sĩ và người bà tên Trương Thị I là bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương), hiện tại bị cáo đang mang thai, bị cáo có nhiều đóng góp tại địa phương trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid – 19 nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo Trần Tấn T, Đỗ Hoài P, Dương Hồ K và áp dụng điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N là có căn nhắc tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, từ đó phán quyết mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đối với bị cáo Trần Tấn T, Đỗ Hoài P, Dương Hồ K và 01 (một) năm tù đối với bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N là phù hợp.

[3] Bị cáo Trần Tấn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, mới vi phạm lần đầu, thành khẩn khai báo, gia đình khó khăn, cha mẹ bị cáo quá tuổi lao động, bản thân bị cáo nuôi con nhỏ. Bị cáo Đỗ Hoài P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do gia đình bị cáo khó khăn, cha mẹ đi làm thuê, bị cáo sống với bà nội đã lớn tuổi thường xuyên bệnh tật cần có người chăm sóc, chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, có ông cố tên Đỗ Thành R là anh hùng liệt sĩ, bà cố tên Trương Thị I là bà Mẹ Việt Nam anh hùng. Bị cáo Dương Hồ K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bác ruột bị cáo tên Dương Văn B có công cách mạng được tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đã nộp 10.000.000 đồng, chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, gia đình khó khăn, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N kháng cáo xin được hưởng án treo với lý do bản thân bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, mới sinh con, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có thành tích làm tự thiện tại địa phương, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Hội đồng xét xử thấy rằng, các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo Đỗ Hoài P, Dương Hồ K đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo P, K không cung cấp tình tiết gì mới ngoài các tình tiết giảm nhẹ tại cấp sơ thẩm. Đối với bị cáo Trần Tấn T trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo cung cấp đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương. Bị cáo N cung cấp giấy chứng sinh, xin hưởng án treo để nuôi con. Tuy nhiên, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đã phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Tấn T, bị cáo Đỗ Hoài P, bị cáo Dương Hồ K và bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Trần Tấn T, bị cáo Đỗ Hoài P, bị cáo Dương Hồ K và bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N.

[4] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét lời phát biểu của vị luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N là chưa phù hợp như Hội đồng xét xử đã phân tích ở phần trên nên không chấp nhận.

[6] Do kháng cáo của các bị cáo Trần Tấn T, Đỗ Hoài P, Dương Hồ K và Nguyễn Thị Tuyết N không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Tấn T, Đỗ Hoài P, Dương Hồ K và Nguyễn Thị Tuyết N.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2022/HS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp về phần hình phạt đối với các bị cáo Trần Tấn T, Đỗ Hoài P, Dương Hồ K và Nguyễn Thị Tuyết N.

Tuyên bố các bị cáo Trần Tấn T, Đỗ Hoài P, Dương Hồ K, Nguyễn Thị Tuyết N cùng phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Tấn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 29/12/2020 đến ngày 07/01/2021.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Hoài P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 29/12/2020 đến ngày 07/01/2021.

- Xử phạt bị cáo Dương Hồ K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 29/12/2020 đến ngày 07/01/2021.

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 29/12/2020 đến ngày 07/01/2021.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-02-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Tấn T, Đỗ Hoài P, Dương Hồ K và Nguyễn Thị Tuyết N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- TAND huyện Lai V (02 bản);
- VKSND huyện Lai V;
- CCTHADS huyện Lai V;
- CQCSĐT Công an huyện Lai V;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.TA Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA (H).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mỹ